

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**淨土大經解演義**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không**

**Tập 137**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi lăm, xem từ hàng thứ năm:

“*Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ*” (đối với các chúng sanh, coi như chính mình), hai câu này là kinh văn. Kế đó là lời chú giải: “*Biểu đồng thể chi bi. Nhân sở bảo ái, mạc quá tự thân, linh thị chúng sanh như đồng tự kỷ, cố năng cứu độ quần sanh tâm bất tạm xả*” (biểu thị lòng đồng thể đại bi. Cái được người đời yêu mến nhất không gì bằng thân mình. Vì xem chúng sanh như thân mình, nên có thể chẳng tạm bỏ cái tâm cứu độ quần sanh). Chúng ta xem câu này, đây là tâm thái lợi tha của Bồ Tát, chúng ta phải nên học tập. Thấy hết thấy chúng sanh và chính mình là cùng một Thể, cùng một tự tánh, cùng một Pháp Thân, cùng một thanh tịnh viên minh thể, sự thừa nhận này vô cùng trọng yếu. Vì sao? Đây chính là “*Phật tri Phật kiến*” như kinh Pháp Hoa đã nói. Thật vậy, chẳng giả, tất cả hết thấy hiện tướng (hình tướng được biến hiện) trong khắp pháp giới hư không giới chẳng thật, giả trát, chỉ có sự thừa nhận này là thật. Nếu quý vị đã thật sự nhận biết, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã minh tâm kiến tánh, đã thành Phật.

Nay chúng ta tập khí phiền não rất nặng, xác thực là biết chính mình đang thuộc địa vị phàm phu, có giải ngộ, nhưng chẳng chứng ngộ, đã biết cách tu hành như thế nào, nhưng công phu chẳng đắc lực, vì sao không đắc lực? Không buông phiền não tập khí xuống được! Câu này nói dễ dàng, làm thật khó khăn! Vì chẳng buông tự tư tự lợi xuống được, chẳng buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống được, chẳng buông lòng tham luyến ngũ dục, lục trần xuống được, chẳng buông tham, sân, si, mạn xuống được. Tu hành thời cô dễ hơn hiện thời, vì sao? Căn cội luân lý, đạo đức, nhân quả đã được vun trồng sâu chắc từ bé, có thể nói: Người nào trong xã hội cũng đều là người tốt. Vì sao? Giáo dục thuở ấy là giáo dục vun bồi căn cội, ai nấy đều được học. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không, mà cũng chẳng dính dáng đến chuyện có đi học hay không! Từ lúc được sanh ra, cha mẹ, người lớn trong nhà luôn biểu diễn trước mặt quý vị những điều ngay thẳng, chẳng có gì sai trái. Vì thế, từ nhỏ đã được học kỹ lưỡng. Xã hội thuần phác, chẳng có nhiều thứ dụ dỗ, mê hoặc như trong hiện tại, đều rất thật thà, đều khiến cho [mọi người] thành thật, bền vững, nên tu hành dễ dàng. Trong xã hội hiện thời, tu hành hết sức khó khăn, trong tâm có tham, sân, si, mạn, nghi. Đây là những cội rễ phiền não tập khí nghiêm trọng hơn bất cứ những điều nào khác, Phật pháp sánh ví những phiền não ấy như năm cái rễ của địa ngục. Tham, sân, si, mạn, nghi là năm cội rễ của địa ngục. Trong tập khí thì có oán, hận, não, nộ, phiền. Bên ngoài thì có tài, sắc, danh

vọng, ăn uống, ngủ nghỉ dụ dỗ, mê hoặc. Nói gộp lại, sẽ là “*ma chường*” (bàn tay ma), quý vị có thể nhảy ra khỏi [bàn tay ma ấy] hay chẳng? Nếu chúng ta chẳng học tập kinh giáo hằng ngày, thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác, một chút công phu bé tẹo ngần ấy còn chẳng thể giữ được, nói chi đến tăng tán? Vì thế, nhận biết đồng thể đại bi vô cùng quan trọng! Chúng sanh và ta có cùng một Thể. Biết là một Thể, điều này được gọi là luân lý, tức là luân lý trong nhà Phật. Đạo gia cũng nói: “*Trời đất và ta cùng một căn, vạn vật và ta cùng một Thể*”, đó là luân lý của Đạo gia.

Kể đó, [cụ Hoàng] nói: “*Nhân sở bảo ái, mạc quá tự thân*”, [nghĩa là cái được] con người yêu mến nhất là thân thể của chính mình. Nay thấy hết thấy chúng sanh và chính mình là một Thể, chẳng khác gì nhau! Thân thể chúng ta chẳng khỏe mạnh, không thoải mái, chắc chắn là thời thời khắc khắc luôn nghĩ tới, thời thời khắc khắc mong được chữa lành, khôi phục sức khỏe nhanh hơn một chút. Trong xã hội hiện thời, bao nhiêu người đánh mất sức khỏe, nhất là sức khỏe nơi phương diện tinh thần. Đánh mất như thế nào? Do mê hoặc tự tánh bèn đánh mất. Phật, Bồ Tát từ bi, đến giúp đỡ chúng ta, giúp chúng ta trị lành, dùng phương pháp gì? Giáo học, phá mê khai ngộ, đó là cứu độ hết thấy chúng sanh. Đã giác ngộ thì đều là Phật, đều là Bồ Tát, hễ mê hoặc thì là chúng sanh. Chúng sanh khó thành Phật dường ấy, vấn đề ở chỗ chẳng thể triệt để buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, khởi tâm động niệm chẳng lìa khỏi tiếng tăm, lợi dưỡng. Có thể nhạt hơn người khác một chút thì được, nhưng mức độ đậm nhạt hết sức bất ổn định! Nhìn bề ngoài có vẻ khá nhạt nhẽo, nhưng hễ danh lợi vừa hiện tiền, ngay lập tức nảy sanh biến hóa, chẳng thể giữ được! Do nguyên nhân nào? Nay chúng tôi kể như đã hiểu: Do chẳng có căn cội! Chúng ta tu hành mà chẳng có căn cội, nên mới có hiện tượng này. Làm sao để có thể giống như bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể mà vẫn chẳng động tâm thì mới có thể thành tựu. Chẳng có may mắn hoài nghi, chẳng có may mắn ích kỷ, chẳng có may mắn ganh tỵ nào! Vì sao? Hết thấy chúng sanh và ta là một, không hai, người khác là chính mình. Người khác chiếm được một chút tiện nghi của ta, ta chẳng oán hận, mà mang lòng hoan hỷ. Đó là Bồ Tát, chẳng phải là phạm nhân. Người khác hủy báng, tổn hại, hãm hại ta, ta vẫn hoan hỷ, chẳng có may mắn oán hận, vì sao? [Những người ấy đến giúp ta] nâng cao [cảnh giới] của chính mình, đến khảo nghiệm chính mình. Đúng là một Thể, ta mong giúp họ tăng cao cảnh giới, họ cũng thường tăng cao cảnh giới của ta, bất luận là hữu ý hay vô ý. Có khi làm quá lộ, nhưng nếu quý vị là người tu hành thật sự, sẽ chẳng cảm thấy kẻ đó quá lộ, mà còn cảm thấy kẻ ấy làm chưa đủ. Do đó, trong cảnh giới, chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, thấy đều chẳng tồn tại, một bầu thanh tịnh, bình đẳng, giác, chân tâm hoàn toàn hiển lộ. Nếu vẫn là chưa buông tự tư tự lợi xuống, chưa buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, cái này nhìn cũng không quen, cái kia nhìn cũng chẳng quen, vậy là tu uổng công mất rồi, may mắn tăng trưởng hay tiến bộ đều chẳng có! Trên thế gian, tối đa là quý vị tăng trưởng một chút học vấn do hỏi han, ghi nhớ, nhưng sau đó, phải thông thêm một câu “*chẳng đáng làm thầy người khác*”. Quý vị học được một chút kiến thức Phật pháp thông thường bề ngoài, chẳng học được Phật pháp thật sự! Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay: “*Phật*

pháp thật sự chẳng liên quan đến văn tự, ngôn thuyết”. Nói theo cách hiện thời, [học Phật] hoàn toàn là chuyển biến tâm thái, quay tâm thái trở về. Tổ tiên đã nói rất hay: “Con người tánh vốn lành”, trở về cái Bản Thiện là tu hành thật sự, công phu ấy được gọi là thật sự đặc lực.

Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật có nói: Hết thảy chúng sanh đều do tâm hiện, thức biến. Tâm là tự tánh của chính mình. Thức là vọng tâm của chính mình. Chân và vọng cùng một Thể. Những khai thị ấy trong giáo pháp Đại Thừa, câu nào cũng đều là nói tới Thật Tướng của các pháp. Chúng ta nhận biết từ chỗ này thì mới coi như chánh xác. Thực hiện ở nơi đâu? Thực hiện bằng chẳng hề tạm bỏ tâm cứu độ chúng sanh. Quý vị đã thật sự giác ngộ, chắc chắn là như vậy, niệm niệm thấy những chúng sanh khổ nạn, bèn chẳng nghĩ đến chính mình, toàn tâm toàn lực giúp đỡ những chúng sanh ấy quay đầu, giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ quay đầu? Thực hiện từ chính mình. Quý vị dạy người khác, dạy người khác trong hiện thời thì phải sử dụng thân giáo. Thuở đức Phật tại thế, Ngài giáo dục người ta bằng thân giáo, tức là nêu gương cho quý vị thấy. Con người hiện thời suy nghĩ sai lầm, khởi tâm động niệm luôn luôn là tổn người, lợi mình, chúng ta nêu gương, khởi tâm động niệm đều là tổn mình, lợi người, dần dần mới có thể khiến cho họ giác ngộ, khiến cho họ quay đầu. Chứ nếu quý vị chẳng làm được [những gì mình đã nói] thì còn làm sao được nữa! Xã hội hiện thời là cạnh tranh, chúng ta phải nêu gương lễ nhượng. Không chỉ là khiêm nhượng, mà còn là lễ nhượng, chỗ nào cũng đều nhường nhịn. Chúng sanh niệm niệm đều mong cầu có được, chúng ta niệm niệm mong bố thí, bỏ ra. Chúng sanh chẳng biết vâng giữ luật lệ, cậy vào thông minh, tài trí của chính mình để lách theo lỗ hổng pháp luật, mong mỗi chiếm đôi chút tiện nghi. Đó là cái tâm trộm cắp! Chúng ta vâng giữ luật lệ nghiêm ngặt, nêu gương cho họ thấy. Họ sợ bị thua thiệt, chúng ta thích chịu thiệt thòi, có thể hứng chịu thiệt thòi. Đó là việc làm của Bồ Tát, việc làm của Phật. Việc làm của Phật, Bồ Tát luôn là tốt nhất, hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, chẳng tương ứng với chuyện nhân tình ấm lạnh của người thế gian, mà hoàn toàn trái nghịch, vì sao? Người hiện thời đã lìa khỏi tiêu chuẩn đức hạnh quá ư là xa! Đối với thời cổ mà nói, tuy có làm lỗi, vẫn chưa đến nỗi hoàn toàn lệch lạc, kể như vẫn chẳng cách xa tiêu chuẩn cho mấy. Hiện thời [cách biệt] quá xa, nay gần như chẳng thấy tiêu chuẩn đâu nữa. Hiện tượng này đáng sợ lắm; do đó, tai nạn dấy lên. Chúng ta có thể tự mình làm, không chỉ nâng cao [cảnh giới] chính mình, mà còn thật sự giúp đỡ đại chúng, cứu độ quần sanh, và cũng là giúp đỡ quả địa cầu này.

Các nhà khoa học cận đại cho biết: Vật chất dẫu nhỏ đến mấy, [ngay như] các hạt căn bản đều có thấy, nghe, hay, biết, đều biết ý nghĩ của chúng ta, giống như trong thí nghiệm với nước của ông Giang Bồn Thắng [đã chứng tỏ điều ấy]; nhưng chúng ta đã nhận được tin tức này rất sớm! Trong kinh Đại Thừa đã nói rất nhiều, điều khó có là nó đã được khoa học chứng minh. Mấy năm trước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã dùng nước để chứng minh và đã chứng minh được! Các nhà khoa học hiện thời cho biết: Mỗi hạt

cơ bản đều có thấy, nghe, hay, biết, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch Ngũ Uẩn tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức như kinh Bát Nhã đã nói. Không riêng gì hạt cơ bản nhỏ nhoi ngàn ấy có trọn đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nó có sắc tướng, đó là vật chất, nó lại có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [đó là tinh thần, nên nó trọn đủ] Ngũ Uẩn. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học cho biết: Tiểu quang tử tuy nhỏ hơn hạt cơ bản nhưng cũng trọn đủ Ngũ Uẩn. Trí huệ của Quán Thế Âm Bồ Tát, Bát Nhã vốn trọn đủ trong tự tánh, “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Tâm Kinh đã dạy: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế*”. Nếu quý vị thật sự hiểu chân tướng sự thật này, còn có gì chẳng thể buông xuống? Thứ gì cũng đều buông xuống được. Vì sao buông xuống? Năm xưa, khi tôi ở Mỹ, đọc kinh Đại Bát Nhã. Kinh ấy có phân lượng rất lớn, tôi nhớ bản đóng bìa cứng gồm hai mươi bốn quyển. Tôi xem xong một lượt, bèn viết mười hai chữ để làm báo cáo tâm đắc: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Trong tâm quý vị còn có gì chẳng thể buông xuống được? Còn có gì vương mắc? Còn có gì ưu lự? Quét sạch trơn! Đó là Thật Tướng của các pháp, là pháp được cùng chúng đắc bởi hết thấy chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, tâm khai y giải.

Bát Nhã Tâm Kinh còn nói hai trăm sáu mươi chữ, tôi dùng mười hai chữ để tổng kết. Thế nhưng phiền não tập khí đúng là nặng nề, chẳng giả! Tôi chẳng đạt được sự đại tự tại như trong kinh Phật đã dạy, đó là gì? Phiền não, tập khí nhiều loạn, tập khí khó đoạn. Nguyên nhân khiến khó đoạn, nguyên nhân khiến chẳng đoạn được là gì? Đối với chuyện này, chúng tôi thừa nhận trình độ vẫn chưa đủ! Năm xưa, Chương Gia đại sư đã dạy tôi: “*Tu học Phật pháp là biết khó, hành dễ*”. Tôi tin tưởng câu ấy. Quý vị thấy Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng thất của hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn, trong thời gian ngắn ngủi như vậy, chúng tôi ước tính tối đa là hai tiếng đồng hồ, Ngũ Tổ giảng cho Ngài nghe đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài liền khai ngộ. Khai ngộ là gì? Ngài đã buông xuống. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều cùng buông xuống, trong Phật pháp gọi điều này là “*đốn xả, đốn đoạn, đốn ngộ, đốn chứng*”. Khi ấy, Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, chúng ta chẳng thể không bội phục, Ngài đã thành Phật! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện dưới cội Bồ Đề cũng là tình hình như vậy. Đức Phật thị hiện vào lúc ba mươi tuổi. Vì sao chúng ta chẳng thể bỏ? Do chẳng thấu suốt. Chẳng thấu suốt kinh giáo. Chẳng thấu suốt là vì chúng ta huân tập chẳng đủ!

Đối với sự huân tập, nhìn từ gương cổ thánh tiên hiền, [ta thấy] thâm nhập một môn là tuyệt đối chánh xác. Các Ngài chẳng có tạp niệm. Hễ lan man quá nhiều thứ, chắc chắn bị phân tâm, chẳng thể tập trung ý chí, chẳng thể tập trung tinh thần, hiệu quả bị giảm bớt rất lớn! Tuy nhiên, nhìn theo pháp thế gian, học rộng nghe nhiều thì người ấy có kiến thức thông thường hết sức phong phú, sách vở thế gian và xuất thế gian đều đọc qua, chẳng có gì không biết, dường như là khá lắm, vấn đề xuất hiện ở chỗ nào? Người ấy chẳng kiến tánh, chẳng đắc tam-muội. Nếu đắc tam-muội sẽ khai ngộ, há còn

phải học ư? Chẳng cần phải học! Hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đã thông suốt toàn bộ. Giống như Long Thọ Bồ Tát, trong thời gian ba tháng, thông suốt toàn bộ hết thầy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Đây chính là sự giáo dục chân chánh của đức Phật. Sự giáo dục của đức Phật là dạy quý vị triệt để quán thông, thông đến tận tánh, khiến cho quý vị thành Phật, chẳng phải là khiến cho quý vị học rộng nghe nhiều. Chẳng phải là làm chuyện ấy, mà là dạy quý vị thâm nhập tam-muội, đại triệt đại ngộ, quý vị mới có năng lực giống như Phật “*tâm cứu độ quần sanh chẳng hề tạm bỏ*”. Quý vị đã thông đạt vô lượng pháp môn, hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì không thông đạt. Cầu điều này! Hoàn toàn bảo quý vị hãy quay về nhập Thường Tịch Quang, thật sự “quay đầu chính là bờ”. Vì thế, thái độ này chính là khẳng định “chúng sanh và quý vị là một Thể”. Hiện thời, chúng sanh trên địa cầu gặp lắm tai nạn ngàn ấy, bản thân địa cầu có tai nạn, [những chuyện này] đều là bất bình thường, quý vị phải có tâm cứu độ và hành vi cứu độ tích cực hơn bất cứ ai khác!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] nêu tỷ dụ, [tỷ dụ ấy] được nói trong kinh Niết Bàn: “*Như Niết Bàn Kinh kệ viết: Nhất thiết chúng sanh thọ dị khổ, tất thị Như Lai nhất nhân khổ*” (Kinh Niết Bàn có bài kệ rằng: “Hết thầy chúng sanh hứng chịu các nỗi khổ khác nhau thì cũng đều như chính bản thân Như Lai chịu khổ”). Mê, ngộ, thiện, ác, họa, phước, chúng sanh và Phật cùng một Thể. Do đó, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể giống Như Lai, thấy người khác có làm lỗi tức là chính mình có làm lỗi hay không? Vì sao? Ta chẳng nêu gương tốt để ảnh hưởng đến người ấy, ta làm chưa đủ viên mãn. Cũng chính là như cổ đại đức đã nói: “*Điều gì làm chẳng được, bèn quay lại xét mình*”, trọn chẳng có ý niệm chỉ trích lỗi lầm của kẻ khác, luôn [tâm niệm] chính mình chưa làm tốt đẹp đủ mức, nên chẳng thể thật sự cảm hóa kẻ khác, khích lệ chính mình hãy thêm gắng công ra sức tu tập. Đối với hai câu kinh Niết Bàn ấy, [xét ra] cổ thánh tiên hiền như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều có tâm thái ấy, thấy dân chúng khổ sở, thấy nhân dân khổ sở, bèn thời thời khắc khắc tự trách, chẳng trách móc người khác. Quý vị nói xem họ chẳng phải là hóa thân của Phật, Bồ Tát ư? Thuở đó, Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa, có thể là Thích Ca Mâu Ni Phật chưa xuất thế. Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, gần như là cách thời Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ, Văn Vương một ngàn năm. Những điều các Ngài nói, những hành vi biểu hiện đều là “*hết thầy chúng sanh chịu những nỗi khổ khác biệt, đều là một mình Như Lai chịu khổ*”.

“*Cổ phổ nguyện chứng tế phụ hà, giai độ bỉ nạn*” (Vì vậy, phổ nguyện “cứu vớt, gánh vác cho đều vượt lên bờ kia”). Vì sao phải làm như vậy? Trong kinh Phật đã có một câu: “*Pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] hết thầy các pháp vốn là như vậy, chẳng có lý do, chẳng có suy tưởng, mong cầu, một Thể mà! “*Chứng giả, cứu trợ dã. Tế giả, độ dã, thành dã, ích dã*” (Chứng (拯) là cứu giúp, Tế (濟) là độ, làm cho hoàn thành, tạo lợi ích). Có nhiều ý nghĩa như vậy, cứu vớt chúng sanh, lợi ích chúng sanh, hướng dẫn

chúng sanh lìa khổ được vui. “*Cổ chứng tế tức thị cứu độ chi nghĩa. Phụ giả, đảm hà dã. Đại Pháp Cự Đà La Ni Kinh Phật ngôn: Bồ Tát đảm giả, thế nguyện hà phụ nhất thiết chúng sanh xuất ly thế gian. Thí như trưởng giả, gia nội phong nhiêu, đa chư trân bảo, duy hữu nhất tử, dĩ ái niệm cố, tài bảo, lạc cụ tất cấp dữ chi, vô hữu bì quyện. Bồ Tát diệt phục như thị, nhất thiết lạc cụ tận giai dữ chi, nãi chí linh nhập Vô Dư Niết Bàn, thị cố danh vi hà phụ trọng đảm*” (Do đó, “chứng tế” có nghĩa là cứu độ. Phụ (負) là gánh vác. Trong kinh Đại Pháp Cự Đà La Ni<sup>1</sup>, đức Phật dạy: “Trách nhiệm của Bồ Tát là thế nguyện gánh vác hết thảy chúng sanh xuất ly thế gian. Ví như trưởng giả trong nhà giàu có, dư dật, nhiều của cải quý báu, chỉ có một con. Vì thương yêu con, nên của cải, vật yêu thích đều trao hết cho con, chẳng hề một nhọc. Bồ Tát cũng lại giống như vậy: Hết thảy vật yêu thích đều trao hết cả cho, cho đến khiến cho chúng sanh nhập Vô Dư Niết Bàn. Vì vậy, gọi là gánh vác gánh nặng”). Trong phần kinh văn này có nói đến một câu chuyện nhỏ, nhằm khái thị người thật sự học Phật hành Bồ Tát đạo. Từ chỗ này, chúng ta thấy được nguyện hạnh của Bồ Tát. Phát nguyện dễ dàng, nhưng thực hiện nguyện ấy chẳng đơn giản. Thực hiện là thật, chẳng giả. Cha mẹ yêu thương con cái, vào thời cổ ta thấy chuyện như vậy rất nhiều, nhưng trong xã hội hiện thời chẳng thấy. Vì nguyên nhân gì? Chẳng có giáo dục luân lý. Chẳng có giáo dục luân lý thì cha con chẳng có tình thân. Cha mẹ chẳng yêu thương con cái, làm sao con cái dấy lên lòng yêu thương cha mẹ cho được? Vì sao chẳng yêu thương? Từ nhỏ đã chẳng vun bồi tốt đẹp đức hạnh cho con, đó là chẳng yêu thương! Chăm sóc áo, cơm, những trò vui chơi cho con, súc sanh cũng có thể làm được những chuyện ấy! Quý vị thấy người hiện thời, kẻ giàu có nuôi thú vật cưng, quả thật có những trường hợp chăm bẵm những con vật cưng còn hơn cả con cái của chính mình, chẳng đối xử tốt đẹp và quan tâm con cái bằng những con vật cưng!

Xã hội hiện tại thật sự nảy sanh những vấn đề mà cổ nhân chẳng thể nào tưởng tượng được! Trong xã hội hiện tại, đâu đâu cũng là như vậy, khắp mọi nơi đều trông thấy, mà cũng chẳng biết giáo dục là gì! Cái nghĩa gốc của chữ Giáo (教) trong tiếng Hán là “*trưởng thiện, cứu thất*” (tăng trưởng điều thiện, bổ cứu những khuyết điểm), hiện thời chẳng có ai nói tới. Giáo là gì, mấy ai có thể hiểu được? “*Thất*” (失) là làm lỗi. Bổ cứu những làm lỗi như thế nào? Tăng trưởng thiện tâm, thiện hạnh của quý vị ra sao? Đó là giáo dục; trên hành, dưới bắt chước theo. Phương thức thực hiện trọng yếu nhất vẫn là thân giáo (giáo dục con người bằng hành động gương mẫu). Một đứa trẻ từ bé đã được quý vị nêu gương tốt, nó trông thấy liền hiểu, học theo. Điều này thật sự chẳng liên quan đến chuyện biết chữ, chẳng liên quan đến học hành. Trẻ thơ từ lúc lọt lòng cho đến khi ba tuổi, còn chưa có năng lực học chữ, mà cũng chẳng có năng lực

---

<sup>1</sup> Đại Pháp Cự Đà La Ni Kinh gồm 20 quyển, 52 phẩm, do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy. Do Thiện Oai Quang thiên tử thỉnh vấn pháp Đà La Ni, đức Phật bèn nhập Đại Lực Trang Nghiêm Tam Muội, thuật lại chuyện chư Như Lai đã phóng quang nói kinh này trong đời quá khứ, và cách hành trì các pháp Đà La Ni.

biết chữ, đó chính là lúc vun bồi, đặt vững cơ sở giáo dục, luân lý, đạo đức, nhân quả. Một trăm năm trước, tức là một thế kỷ trước, người Hoa nhà nào cũng đều biết chuyện này. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, ảnh hưởng của nền giáo dục truyền thống đại khái còn kéo dài hai mươi lăm năm. Nó được gìn giữ đầy đủ nhất ở nông thôn. Tại nông thôn, giữ được khoảng hai mươi lăm năm, nhưng tại đô thị [giữ được nền giáo dục truyền thống] đại khái ít hơn mười năm [so với nông thôn], cũng có nghĩa là: Thông thường, tại đô thị, trong vòng mười lăm năm, vẫn còn có thể thấy [ảnh hưởng của nền giáo dục truyền thống]. Sau mười lăm ấy, [ảnh hưởng đó] dần dần nhạt mờ đi. Kể từ thời chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản, sau tám năm kháng chiến, tại nông thôn chẳng còn [ảnh hưởng ấy nữa]. Do đó, nay chúng ta hiểu biết tầm trọng yếu [của nền giáo dục truyền thống], nhưng khôi phục nó rất ư là khó! Khôi phục bằng cách nào? Nền giáo dục truyền thống chẳng thể khôi phục thì xã hội vĩnh viễn chẳng thể nào an định, đây là đạo lý nhất định. Vì thế, cổ nhân hiểu chuyện này, nhưng người hiện thời rất thờ ơ, mà cũng chẳng tin tưởng!

Trong kinh giáo, Phật, Bồ Tát đã dùng tỷ dụ để nói rõ, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh đã dốc trọn công sức, chẳng có mảy may ý niệm đòi hỏi, mong mỗi chúng sanh báo đáp các Ngài chút gì, chẳng có ý niệm ấy. Người hiện thời có thể làm chuyện này hay không? Người nhất tâm mong thành Phật sẽ làm được, nhưng kẻ còn tham luyến thế gian này sẽ quyết định chẳng làm được. Chỉ có người nhất tâm mong làm Phật là có thể làm được. Vì sao? Người ấy biết hết thảy các pháp đều là Không, ngay cả thân thể của chính mình cũng là rỗng không, vật ngoài thân chẳng có gì là của chính mình. Người ấy đã hiểu chân tướng sự thật này, nên dần dần bèn phóng khoáng, sẽ có thể làm được. Nếu chẳng thật sự liễu giải, [tức là] chẳng liễu giải thấu triệt chân tướng sự thật này, sẽ rất khó! “Rất khó” cũng có nghĩa là vượt thoát lục đạo luân hồi khó lắm! Chẳng thể buông xuống, sẽ không thoát khỏi luân hồi. Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, mục tiêu thật sự là gì? Khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn. Vô Dư Niết Bàn là địa vị gì? Dư (餘) là tập khí. Tập khí vô thí vô minh đều đoạn hết sạch thì gọi là Vô Dư Niết Bàn, thuộc địa vị Diệu Giác, trở về Thường Tịch Quang viên mãn. Vì thế, điều này được gọi là “*hà phụ trọng đảm*” (荷負重擔: gánh vác gánh nặng). Bốn chữ ấy danh phù hợp thực, giúp đỡ bất cứ chúng sanh nào đều phải giúp họ trở về Đại Bát Niết Bàn thì nguyện tâm cứu độ của Bồ Tát mới xem như viên mãn.

“*Thượng dẫn kinh văn, thâm hiển ‘chứng tế phụ hà’ chi nghĩa. Độ giả, đáo dã. Bỉ ngạn giả, Niết Bàn dã. Đại Luận thập nhị viết*” (Đoạn kinh vừa dẫn trên đã hiển thị sâu sắc ý nghĩa “cứu vớt, gánh vác”. “Độ” (度) là đến nơi. “Bỉ ngạn” (彼岸: bờ kia) là Niết Bàn. Đại Luận, quyển mười hai đã nói), Đại Luận là Đại Trí Độ Luận. “*Nhược năng trực tiến bất thoái, thành biện Phật đạo, danh đáo bỉ ngạn, biểu đại sĩ phổ độ, tất linh nhất thiết chúng sanh chứng nhập Vô Dư Niết Bàn nhi hậu dĩ dã*” (“Nếu có thể thẳng tiến chẳng lui, hoàn thành Phật đạo thì gọi là đáo bỉ ngạn (đạt đến bờ kia)”, ý nói: Đại

Sĩ phổ độ, làm cho hết thầy chúng sanh chứng nhập Vô Dư Niết Bàn rồi chính mình mới chứng Niết Bàn). Trong thế gian, Bồ Tát chẳng làm chuyện gì khác, mà làm chuyện như vậy đó, chẳng mệt, chẳng ngán, vĩnh viễn chẳng ngơi nghỉ!

Chúng ta lại xem mấy câu kinh văn kể đó: “*Tát hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí huệ thánh minh bất khả tư nghì*” (Đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn). [Hai câu ấy] được chú giải như sau: “*Dĩ thượng nhị cú, biểu chư đại sĩ cụ túc phước trí nhị nghiêm*” (hai câu trên đây biểu thị các vị đại sĩ phước trí nhị nghiêm), “*ng nghiêm*” (嚴) là trang nghiêm (莊嚴). [Phước trí nhị nghiêm là] phước trang nghiêm và huệ trang nghiêm. “*Vị tề quả vị, nãi tùng quả hướng nhân chi đại Bồ Tát, hàm đắc Như Lai chi phước đức trang nghiêm. Trí huệ thánh minh bất khả tư nghì, minh đại sĩ hàm đắc Như Lai chi trí huệ trang nghiêm*” (Là bậc Bồ Tát có địa vị ngang với quả vị, nhưng từ quả hướng nhân, đều đã đắc phước đức trang nghiêm của Như Lai. “Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn” là nói các Đại Sĩ đều đã chứng đắc trí huệ trang nghiêm của Như Lai), chúng ta xem đoạn này. Đây là gì? Thành tựu người khác vốn là thành tựu chính mình. Chính mình đã thành Phật, sau khi đã thành Phật, phước huệ sẽ đạt tới viên mãn rốt ráo, quý vị phải phổ độ chúng sanh. Nếu chẳng thể phổ độ chúng sanh, phước huệ của quý vị sẽ chẳng thể viên mãn. Phước huệ viên mãn là chuyện tự nhiên, không nhất định do tâm ta mong muốn; quả thật là trong cảnh giới, Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm. Chúng ta biết, đối với bốn mươi một phẩm vô minh, tức là tập khí vô minh, Ngài chưa đoạn bốn mươi một phẩm tập khí vô minh, nhưng Ngài có mong đoạn hay không? Ngài cũng chẳng mong! Nếu Ngài nghĩ tưởng, mong muốn, liền bị đọa lạc, vì Ngài lại khởi tâm động niệm. Pháp Thân Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm, lẽ đâu Ngài mong đoạn [tập khí vô minh], hay là mong muốn, hy vọng phước huệ viên mãn? Chẳng có ý niệm ấy, thế mà bốn mươi một phẩm vô minh tự nhiên đoạn sạch viên mãn. Do đó, sau khi đã đại triệt đại ngộ, sau khi minh tâm kiến tánh, các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta thường gọi cõi ấy là Nhất Chân pháp giới. Trụ bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì sao phải trụ lâu như thế? Phải qua thời gian dài như thế thì mới chẳng còn tập khí. Ngài trụ trong cõi Thật Báo lâu như thế để làm gì? Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, mười phương thế giới, khắp pháp giới hư không giới, bất cứ chỗ nào chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Chúng sanh cảm thì có hiển cảm (顯感: cảm rõ rệt) và có minh cảm (cảm ngầm ngầm). Minh cảm (冥感) là chúng sanh có cầu Phật, Bồ Tát, nhưng chính họ chẳng biết, vì ý niệm rất vi tế, chính họ chẳng cảm nhận được, nhưng Phật, Bồ Tát nhận biết, nhận được tin tức ấy. Hễ nhận được, các Ngài liền đến giúp đỡ quý vị, vì sao? Quý vị có duyên với các Ngài. Do đó, phải biết: Nay chúng ta kết duyên với hết thầy mọi người, kết duyên với hết thầy chúng sanh, thiện duyên cũng thế, mà ác duyên cũng vậy, duyên bình đẳng, bất luận thiện hay ác, chỉ cần là có duyên, khi thành Phật, họ nhất định đến độ quý vị. Quý vị có duyên với họ, nên quý vị vừa phát ra tin tức, họ sẽ nhận được ngay lập tức!



Chưa đoạn tập khí phiền não, sẽ có thiện duyên và có ác duyên. Nếu đoạn sạch tập khí phiền não, thiện duyên và ác duyên thấy đều biến thành pháp duyên. Trong tự tánh, chẳng thể tìm được thiện hay ác. Không chỉ là chẳng có thiện, ác, mà chân, vọng cũng chẳng có, tà, chánh cũng chẳng có, đó là nói theo Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới thì có, trong mười pháp giới có những thứ thật, giả, tà, chánh, thiện, ác rất rõ ràng, nhưng cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng có chuyện ấy, chúng ta phải biết điều này. Đây là nói trí huệ viên mãn trong tự tánh thấu lộ, mà cũng là như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Như Lai là tự tánh, trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh chẳng có mây may chướng ngại nào, thấy đều hiển thị. Hiện ở nơi đâu? Hiện lộ khi người ấy ứng [theo sự cảm] của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, người ấy bèn có ứng, nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp môn gì để giáo hóa, bèn dùng pháp môn ấy, quyết định chẳng có suy xét. Trong khoảng thời gian ấy, chúng ta giả thiết [khoảng thời gian ấy] là ba đại A-tăng-kỳ kiếp như kinh đã nói, vị ấy trọn chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, há có phân biệt, chấp trước? Toàn là tự tánh, tự nhiên. Chúng ta dùng danh từ gì để hình dung nó? Tự nhiên vận hành, chẳng do ai làm, chẳng có bất cứ sức mạnh nào thao túng, chẳng có! Hoàn toàn là tự nhiên, nên chúng ta chỉ có thể nói là Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Trong kinh Phật có một danh từ rất đơn giản [để diễn tả điều này]: “*Pháp nhĩ như thị*”. Từ ngữ ấy rất hay, pháp vốn là như vậy.

Điều này biểu thị các vị Pháp Thân đại sĩ trọn đủ phước huệ nhị nghiêm. Chúng ta ca ngợi Phật, quý vị thấy khi quy y Phật, trong lời thề, chúng ta đọc: “*Quy y Phật, Nhị Túc Tôn*”. Ai nấy đều đã đọc cả rồi. Nhị Túc là gì? Là huệ và phước, tức phước trí, chính là “*phước trí nhị nghiêm*” ở chỗ này. Đạt đến quả vị rốt ráo, phước viên mãn, trí viên mãn, thì gọi là Lương Túc Tôn, chẳng khiếm khuyết mây may. Đẳng Giác Bồ Tát còn có chút khiếm khuyết, vẫn chưa đạt tới viên mãn, nhưng địa vị Diệu Giác đã viên mãn. Địa vị ngang với Phật quả thì địa vị ấy đã đạt đến Diệu Giác, tức là quả vị Phật rốt ráo. Những vị ấy tuyệt diệu, chính là hàng đại Bồ Tát từ quả hướng đến nhân, các Ngài chẳng ứng hóa từ cõi Thật Báo, mà từ đâu ứng hóa? Các Ngài ứng hóa từ cõi Thường Tịch Quang. Ý nghĩa này hay lắm. Nếu không, rất nhiều người hoài nghi: Trở về Thường Tịch Quang bèn chẳng khởi tác dụng. Cõi Thường Tịch Quang đã chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, há chẳng phải là không có tác dụng gì hay sao? Được rồi! Tôi nói cho quý vị biết: Trong Thường Tịch Quang có ứng. Thường Tịch Quang là Nhị Túc Tôn viên mãn rốt ráo, tức Diệu Giác! Theo định nghĩa trong Phật pháp, chữ Diệu (妙) thường được giảng là “chẳng phải có, chẳng phải không”. Quý vị chẳng thể nói nó là có, mà cũng chẳng thể nói là “chẳng có”. Đó là Thường Tịch Quang. Quý vị thấy khi Huệ Năng đại sư kiến tánh đã nói năm câu chẳng phải có, chẳng phải không: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tự tánh chưa hề bị ô nhiễm. Chỉ cần có hiện tượng, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đều có thể bị ô nhiễm. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên nó chưa hề có

hiện tượng ô nhiễm, vốn tự thanh tịnh. Câu thứ hai là “*vốn chẳng sanh diệt*”, đây là Đại Bát Niết Bàn, chẳng có sanh diệt. Trong tôn giáo của ngoại quốc có nói “sống đời đời”, nhưng điều này còn cao hơn chuyện sống đời đời vì chẳng có sanh diệt. Câu thứ ba là “*vốn tự trọn đủ*”, nó chẳng khiêm khuyết mảy may. Bất luận là trí huệ, đức năng, hay tướng hảo, hết thảy đều hoàn toàn trọn đủ. [Câu thứ tư là] “*vốn chẳng dao động*”, nói rõ: Vọng tâm của chúng sanh trong mười pháp giới đều là động. Khoa học hiện đại nói là hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động thì [từ địa ngục giới] cho đến Phật pháp giới trong mười pháp giới đều có hiện tượng này, nhưng trong cõi Thật Báo chẳng có hiện tượng này. Câu cuối cùng là “*có thể sanh ra vạn pháp*”. Một niệm bất giác sẽ có thể hiện ra A Lại Da. A Lại Da có thể biến. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, còn A Lại Da có thể biến. Tự tánh là chân tâm của chính mình, A Lại Da là vọng tâm của chính mình. Vọng sanh từ chân, điều này đã được các khoa học gia hiện thời phát hiện. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất do đâu mà có? Trong Không sanh ra Có, được gọi là “*vô trung sanh hữu*”. Vô là gì? Vô là tự tánh, vì tự tánh thật sự chẳng phải là vật chất, chẳng phải là tinh thần, nên lục căn của quý vị chẳng thể duyên được! Vật chất thì năm căn trước có thể duyên đến, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể duyên đến, tiếp xúc được [vật chất]. Tinh thần thì ý căn có thể tiếp xúc được. Nhưng nó (tự tánh) chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của chúng ta đều không duyên được. Vì vậy, nói là “*vô trung sanh hữu*”. Các khoa học gia đã có thể phát hiện cảnh giới này, điều này rất khó có! Chúng tỏ lời Phật nói chẳng giả, ba ngàn năm sau các khoa học gia đã giúp Ngài chứng thực; nhưng các khoa học gia chẳng thể kiến tánh, nguyên nhân vì sao? Do họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống! Hễ buông xuống liền kiến tánh. Sau khi đã buông xuống, trí huệ và đức tướng bèn hiện tiền. Vì thế, trong Phật pháp, các nhà khoa học ấy được gọi là giải ngộ, chưa chứng đắc, [chỉ là] giải ngộ. Giải ngộ bèn đạt tới cảnh giới rất cao ấy, nhưng nếu lại tiến cao hơn thì chẳng thể, vì tiến cao hơn sẽ là kiến tánh. Kiến tánh thì phải thật sự buông xuống. Chẳng buông xuống, chẳng thể kiến tánh. Do đó, câu “*từ quả hương đến nhân*” có ý nghĩa rất sâu, nói cho chúng ta biết: Thường Tịch Quang là một thể hữu cơ, sống động, chẳng phải là chết ngắc, nó có thể hiện hết thảy các tướng. Nó thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng có thể hiện hết thảy các tướng, có thể sanh ra muôn pháp.

Những vị đại Bồ Tát này đều đặc Như Lai phước đức trang nghiêm. “*Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn*” là nói rõ các vị đại sĩ đều đặc trí huệ trang nghiêm của Như Lai. Trên đây là phước đức trang nghiêm và trí huệ trang nghiêm, “*trang nghiêm*” ở đây là nói đến sự viên mãn. Chúng ta biết, theo kinh Hoa Nghiêm, từ Sơ Trụ trở lên đều chứng đắc [phước trí nhị nghiêm]. Tuy chưa viên mãn, nhưng đã sử dụng được, chẳng có chút chướng ngại nào. Do trí huệ và đức tướng đều chẳng có chướng ngại, nên Sơ Trụ Bồ Tát có thể hiện thân Phật, nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để thuyết pháp, Sơ Trụ đã làm được. Kế đó, sách viết: “*Tịnh Ảnh dữ Chân Giải, Hợp Tán chư gia, giai đồng thử thuyết*” (ngài Tịnh Ảnh và tác giả các sách Chân Giải, Hợp

Tán đều cùng nói như vậy). Đối với điều này, tổ sư đại đức đều cùng nói giống như nhau.

“*Thánh giả, chánh dã*” (Thánh là chánh), đây là giải thích chữ Thánh. “*Hựu Triệu công viết: Trí huệ, Thê; thánh minh, Dụng. Vô sự bất chiếu vị chi Thánh. Bồ Tát quyền thật linh chiếu, bất khả dĩ ngôn tư nghĩ nghĩ kỳ hình dụng, cố vân bất khả tư nghĩ*” (Ngài Tăng Triệu nói: “Trí huệ là Thê. Thánh minh là Dụng. Không sự gì chẳng chiếu là Thánh. Bồ Tát Quyền Thật linh chiếu, chẳng thể dùng ngôn ngữ và suy nghĩ để suy đoán, bàn luận hình dụng của nó, nên bảo là bất khả tư nghĩ”). Tiếp đó, [cụ Hoàng] giải thích: “*Triệu công chi ý vi: Trí huệ thị bản thể, thánh minh thị diệu dụng. Nhất thiết sự giai năng chiếu liễu thông đạt, danh chi vi Thánh. Bồ Tát chi Quyền Trí dữ Thật Trí, sở sanh chi linh minh chiếu dụng, chúng sanh phàm tình tuyệt bất năng giải, cố viết bất khả tư, nhất thiết ngữ ngôn bất năng biểu đạt, cố viết bất khả nghĩ*” (Ý của Triệu công là: Trí huệ là bản thể, thánh minh là diệu dụng, đều chiếu rõ, thông đạt được hết thấy sự, nên gọi là Thánh. Thật Trí và Quyền Trí của Bồ Tát phát sanh diệu dụng sáng tỏ vàng vạc để chiếu soi. Chúng sanh do phàm tình nên trọn chẳng thể hiểu nổi [diệu dụng ấy], nên bảo là “bất khả tư”. Vì hết thấy ngôn ngữ chẳng thể diễn đạt nổi, nên nói là “bất khả nghĩ”), chúng ta xem tới đây. Theo Tăng Triệu đại sư<sup>2</sup>, trí huệ là Thê. Đối với tầng cấp này, tức là tầng cấp của hàng đại Bồ Tát, Định và Huệ là một, chẳng hai. Huệ là Thê, Định là Dụng, [hoặc nói cách khác], Định là Thê, Huệ là Dụng, sống động, chẳng khô khan. Thê và Dụng dùng lẫn cho nhau, quý vị nói kiểu nào cũng thông suốt. Không sự gì chẳng chiếu, đó là trí huệ. Do vậy, kinh Bát Nhã nói “*chiếu kiến*”, danh từ này được nói rất nhiều, người thế gian chúng ta nói là “*khán kiến*”, tức là thấy bằng mắt, hoặc quán kiến (quan sát thấy). Trong giáo pháp Đại Thừa nói là “*chiếu kiến*”, Tâm Kinh nói “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”. Câu này đã được các nhà khoa học hiện đại chứng minh, Ngũ Uẩn đúng là rỗng không, các nhà khoa học đã nói rất hay! Vật chất là gì? Ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyễn tướng, nói rất hay! Trước kia, chúng tôi học Duy Thức, trong Duy Thức nói tới Kiến Phần và Tướng Phần: Nếu Kiến

---

<sup>2</sup> Thích Tăng Triệu (394-414) là đệ tử đặc ý và nổi danh nhất của La Thập đại sư. Ngài họ Trương, người xứ Kinh Triệu (Trường An), nổi tiếng là một nhà lý luận và tư tưởng của Đại Thừa Phật giáo tại Trung Hoa. Ngài được coi như đã có công bản địa hóa tư tưởng Trung Quán của Bát Nhã và mạnh dạn dùng những khái niệm sẵn có trong triết học Trung Hoa để diễn đạt tư tưởng Bát Nhã. Trước khi học Phật, Ngài từng học Nho, đặc biệt yêu thích Lão Trang, nhưng vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn. Đến khi đọc kinh Duy Ma Cật, tinh ngộ, bèn xuất gia, nghiên cứu Phật học càng tinh thâm, chưa đầy hai mươi tuổi mà danh tiếng đã vang rền khắp nước. Về sau, nghe ngài La Thập đến xứ Cô Tạng (nay thuộc huyện Vũ Oai, tỉnh Cam Túc), Sư tìm đến, vô cùng ngưỡng mộ, tận lực theo hầu. Khi ngài La Thập đến Trường An, Ngài xin tham gia dịch trường, cùng với các vị Đạo Dung, Tăng Duệ và Đạo Sanh được gọi là Quan Trung Tứ Kiệt. Ngài đặc biệt tinh thông Trung Quán, nên được người đương thời tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Ngài cũng tham gia dịch trường của ngài Phật Đà Da Xá để dịch Tứ Phần Luật và Trường A Hàm Kinh. Tiếc là Ngài mất rất sớm. Pháp sư Ấn Thuận hết sức ngưỡng mộ ngài Tăng Triệu, tôn xưng Ngài là đệ nhị tổ của Tam Luận Tông.

Phần trông thấy, ngay khi đó, sẽ phát sanh Tướng Phần. Cách nói này khiến cho chúng ta chẳng hiểu rõ từ ngữ. Cổ nhân nói như thế, chúng tôi cũng nói như thế thì chẳng rõ ràng. Kiến thì nhất định là phải thấy, đã thấy bèn có huyền tướng. Ví như quý vị trông mắt nhìn, trong hư không chẳng có thứ gì, nhưng quý vị nhất định muốn thấy. Trông mắt nhìn hồi lâu, mỏi mắt, [sẽ thấy] trong không trung thật sự hiện ra tướng [hoa đốm lăng xăng]. Dùng phương pháp ấy để nói thì chẳng hợp khoa học<sup>3</sup>, cách nói của các nhà khoa học hay hơn. Sau này, hễ chúng ta nói đến chuyện này (Kiến Phần sanh ra Tướng Phần), bèn có thể dùng cách nói của các nhà khoa học thì sẽ chính xác. Có thể thấy là cổ nhân dùng tỷ dụ ấy vì họ chưa kiến tánh, nên cũng chẳng thấy. Nếu họ đã kiến tánh, sẽ nói rõ ràng, [họ nói lơ mờ] vì chính họ chưa kiến tánh. Trí huệ khởi tác dụng là thánh minh.

Không sự gì chẳng chiếu thì gọi là Thánh, năng lực thấy rất rộng: Trọn khắp pháp giới hư không giới. Vì thế, nếu nói thật sự, nói chân thật, tức là nói chân thật theo giáo pháp Đại Thừa, hoàn toàn là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài chẳng có thời gian, phải biết điều này: Tuyệt đối chẳng có quá khứ, mà cũng chẳng có vị lai, chỉ có ngay trong hiện tại. Không chỉ chẳng có thời gian, mà còn chẳng có không gian; không gian cũng chẳng tồn tại. Không gian chẳng tồn tại thì khoảng cách chẳng còn nữa, [nói tới] không gian là [nói tới] khoảng cách. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở nơi đâu? Ngay tại nơi đây. Thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật ở chỗ nào? Ngay tại nơi đây. Do vậy, nói chân thật cùng quý vị, sẽ là ngay trong lúc này, mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm. Một niệm hiện hữu, niệm niệm đều là một niệm ngay trong lúc này. Đây là nói lời chân thật, nói ra chân tướng với chúng ta, một niệm là thật. Do đó, quý vị thấy kinh Phật mở đầu bằng: “*Như thị ngã văn, nhất thời*”, đức Phật nói lời chân thật, “*nhất thời*” là thật. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giảng kinh Vô Lượng Thọ, có “*tại*” hay không? Có, nhất thời! Nếu chúng ta đạt tới nhất thời, sẽ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh. Thời gian chẳng có, ba ngàn năm trước hay ba ngàn năm sau chi nữa đều chẳng có, ở ngay trong lúc này, quý vị thấy núi Linh Thứu ở ngay nơi đây! Đồi Đường, Trí Giả đại sư niệm kinh Pháp Hoa, niệm đến phẩm Dược Vương, lão nhân gia nhập Định, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, thấy vẫn

---

<sup>3</sup> Câu này hơi khó hiểu nên chúng tôi mạn phép vẽ rắn thêm chân như sau: Theo Duy Thức Học, Tướng Phần (vật chất) phát sanh từ Kiến Phần (cái tâm phát sanh tác dụng nhìn thấy). Luận điểm này được diễn tả bằng câu: “Kiến thì nhất định phải thấy, hễ trông thấy bèn có huyền tướng”. Tiếp đó, cổ nhân dùng một tỷ dụ giả thiết như sau: Trông mắt nhìn hồi lâu, do mắt mỏi, sẽ thấy các đốm sáng chao lượn trước mắt”. Tức là do từ cái nhìn đó mà có huyền tướng xuất hiện. Hòa thượng nói tỷ dụ này không phù hợp lắm (vì mắt mỏi mà có tướng hoa đốm, chẳng liên quan đến vọng tâm), vẫn chưa giải thích rõ vì sao từ Kiến Phần sanh ra Tướng Phần, nên mới bảo là: “Dùng cách ấy để nói thì không khoa học”. Hòa thượng cho rằng: Do Kiến Phần (tác dụng của tâm thức, tức là vọng tâm), vọng tâm thường sanh khởi ý niệm, vật chất do ý niệm tích lũy tạo thành. Đây chính là đã nói rõ Kiến Phần sanh ra Tướng Phần.

còn có chỗ trống, bèn ngồi nơi đó nghe giảng một buổi. Sau khi xuất Định, kể với mọi người: Hội Linh Sơn chưa giải tán, Ngài tham gia, nghe giảng ở đó một buổi.

Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp chẳng là tự tánh*”. Lại nói “*ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*” đều nhằm tiết lộ chân tướng này. Chúng ta nghe chẳng hiểu, dường như hiểu mà chẳng hiểu, nửa tin, nửa ngờ. Nếu thật sự hiểu, không khăn yếu chi! Nếu chẳng hiểu, không sao cả! Hãy cứ nghe hằng ngày, cổ nhân nói: “*Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa*”. Chúng ta ngốc hơn người khác, người ta nghe một ngàn lượt, chúng ta nghe một vạn lượt bèn hiểu, vì sao? Huân tập thành chủng tử, huân tập thành căn, căn ấy sẽ sanh ra sức mạnh. Huân tu lâu dài, phải huân tập nó thành chủng tánh của ta, nó sẽ khởi tác dụng. Đó cũng là một phương pháp để minh tâm kiến tánh trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Phải biết: Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là các phương pháp để minh tâm kiến tánh, phương pháp nào thích hợp với ta, ta bèn dùng phương pháp ấy. Học rộng nghe nhiều cũng là một phương pháp, căn tánh mỗi người khác nhau. Trong xã hội hiện tiền, nay là thời Mạt Pháp, lại còn là lúc Phật pháp suy vi đến cùng cực. Khắp thế giới sơ sót giáo dục luân lý, đạo đức. Có thể nói luân lý đạo đức tương ứng với giáo dục tự tánh, nhưng đã bỏ mất. Nhà Phật có một thuật ngữ là “*xứng tánh*”, nhưng hiện thời đã hoàn toàn mê mất tự tánh. Mê gần như nghiêm trọng đến mức một trăm phần trăm, cho nên học Phật đặc biệt khó khăn! Phương pháp này của Tịnh Tông được mười phương chư Phật giới thiệu, chẳng riêng gì một mình Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là mười phương chư Phật giới thiệu. Trong hoàn cảnh khó khăn đến tột cùng, các pháp môn khác đều bị chướng ngại trùng trùng, rất khó học tập, pháp môn này đơn giản. Thậm chí quý vị chẳng cần đọc kinh, chỉ là một câu Phật hiệu.

Chúng ta đang ở Hương Cảng. Năm xưa, tôi nghe lão pháp sư Đệ Nhàn thường kể với mọi người: Lão hòa thượng Đệ Nhàn có một người đồ đệ làm thợ vá nôi. Người này là bạn cùng chơi đùa thuở bé của pháp sư Đệ Nhàn, tuổi tác chẳng chênh lệch cho mấy, ở trong thôn trang. Sau khi trưởng thành, gia cảnh nghèo hèn, chẳng có cơ hội đi học, bèn học một nghề thủ công là vá nôi, vá chén, dùng nghề mọn ấy để kiếm sống hết sức khổ sở. Thuở bé tôi thường thấy thợ vá nôi gánh một gánh nhỏ đi rảo trong làng vá nôi, vá chén. Vì thế, khi Ngài (pháp sư Đàm Hư) nói chữ ấy, tôi hiểu ngay, ông ta sống bằng nghề đó. Ông ta cảm thấy cuộc đời quá khổ, thấy bạn xuất gia, xuất gia cũng khá, bèn tìm đến, thưa với ngài Đệ Nhàn, ông ta cũng muốn xuất gia, bái ngài Đệ Nhàn làm sư phụ. Pháp sư Đệ Nhàn nói: “*Không được! Ông cứ làm nghề của mình đi, xuất gia há phải dễ dàng! Ông xuất gia, chậm lụt như vậy, mà cũng chẳng biết chữ, đầu óc chậm chạp, đoán chắc là học kinh sám, Phật sự, gõ pháp khí, xưng niệm đều học không nổi, tay chân vụng về! Học giảng kinh thì lại chẳng biết chữ*”. Vì thế, cự tuyệt ông ta. Nhưng ông ta vẫn một mực nằn nì, chẳng chịu đi, không cho ông ta xuất gia cũng không được. Cụ Đệ Nhàn chẳng còn cách nào, bèn đặt điều kiện với ông ta. Sư nói: “*Nếu ông thật sự muốn xuất gia, tôi có mấy điều kiện, ông có thể làm được thì cho phép ông xuất gia*”.

Ông ta thưa: “Được! Nếu tôi bái thầy làm sư phụ, thầy dạy tôi điều gì, tôi cũng đều làm theo”. Lão pháp sư Đệ Nhân bắt đắc dĩ cho ông ta xuống tóc. Chẳng ở trong chùa được, vì ở trong chùa có rất nhiều quy củ. Ông ta cũng đã bốn mươi mấy tuổi rồi, những tật xấu, tập khí chẳng dễ gì sửa được. Vì thế, đến vùng quê, tìm cho ông ta một ngôi chùa nhỏ, chẳng có ai ở, là một ngôi chùa hư nát, cho ông ta ở đó. Dạy ông ta niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Dạy gì khác ông ta cũng không hiểu, bèn dạy ông ta niệm: “*Ông hãy niệm câu này, suốt ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật. Niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm tiếp*”. Làm như vậy sẽ nhẹ nhàng, thông dong, chẳng có áp lực gì. Chẳng phân biệt ngày, đêm, hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, hễ nghỉ đã khỏe, bèn lập tức tiếp tục niệm. Trong làng quê, Sư tìm một bà cụ học Phật, ở gần đó, mỗi trưa đến nấu cơm trưa và cơm chiều, nấu hai bữa cơm, còn bữa điểm tâm do ông ta tự nấu, tự lo. Bà cụ giặt giữ quần áo cho ông ta để ông ta chuyên tâm niệm Phật.

Niệm suốt ba năm, đến một hôm, ông ta bảo bà cụ hộ trì: “Ngày mai bà không cần nấu cơm, tôi vào thành gặp bạn bè”. Trên thực tế, ông ta biết trước lúc mất, sắp vãng sanh, nên quay về từ biệt thân thích, chào hỏi, thăm viếng. Hôm sau trở về, khi trở về, bèn nói với bà cụ: “Ngày mai chẳng cần nấu cơm cho tôi”. Bà cụ lại tưởng ông ta đến thăm bạn bè, chẳng biết người bạn nào sẽ mời ông ta ăn cơm. Đến bữa sau, cụ ra chùa xem, coi sư phụ có nhà hay không? Kết quả là thấy sư phụ ở trong Phật đường, đứng trước tượng Phật, gọi thì chẳng ừ hử gì, đến trước mặt xem kỹ, thấy ông ta đã mất, đứng mất! Liên vội vã quay về báo tin, vì còn có mấy đồ đệ quy y với cụ Đệ Nhân ở vùng phụ cận, thấy đều báo tin cho họ biết, gọi họ đến xem. Trước nay chưa từng thấy người đứng mất, rất hiếm hoi, lạ lùng! Những người ấy sau khi tìm đến, bèn vội đến Quán Tông Tự<sup>4</sup> thưa trình. Từ nông thôn đến thành thị chẳng có phương tiện giao thông, phải đi bộ, đi một ngày mới đến nơi, thưa chuyện với hòa thượng Đệ Nhân. Hòa thượng Đệ Nhân chuẩn bị, sắp xếp, đến hôm sau mới trở lại, đi về mất ba ngày. Ông ta đứng sững suốt ba ngày, chờ lão pháp sư Đệ Nhân đến lo liệu hậu sự. Cụ Đệ Nhân thấy tình hình ấy, rất tán thán: “*Ông rất lỗi lạc! Thật sự có thành tựu. Bất cứ trụ trì hay phương trượng chùa miếu nào nơi danh sơn bảo sát đều chẳng bằng ông. Những pháp sư thông Tông, thông Giáo, giảng kinh cũng chẳng sánh bằng ông!*” Một câu A Di Đà Phật mà thôi! Người ấy chưa từng nghe kinh ngày nào, nhưng nghe lời, đúng là thật thà, thật sự làm. Trừ một câu A Di Đà Phật ra, điều gì ông ta cũng chẳng hiểu, [thế mà] biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, lại còn đứng sững suốt ba ngày. Coi như lão pháp sư Đàm Hư và

---

<sup>4</sup> Chùa Quán Tông ở thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, được sáng lập vào năm 1081 bởi pháp sư Giới Nhiên, ngài Giới Nhiên là đồ tôn đời thứ năm pháp sư Tri Lễ (tổ thứ mười bảy của tông Thiên Thai), thoát đầu chùa mang tên Thập Lục Quán Đường trực thuộc chùa Diên Khánh. Chùa gần như hoang phế dưới thời Quang Tự, ngài Đệ Nhân đã trùng tu chùa này, khôi phục tông phong Thiên Thai. Chùa trải qua nhiều nổi thăng trầm: Năm 1951 bị nhà nước tịch thu biến thành trường huấn luyện cán bộ, rồi trường Đảng vào năm 1958, phá bỏ rất nhiều kiến trúc trong chùa. Đến năm 1993, mới được trả lại cho Phật giáo, và đưa về trực thuộc chùa Diên Khánh như cũ.

người thợ vá nồi là đồng học, đều cùng là học trò của lão hòa thượng Đế Nhân, Ngài thường kể chuyện này để khích lệ người niệm Phật. Quý vị thấy thời gian không dài, ba năm đã đến thế giới Cực Lạc làm Phật, có công phu như vậy chẳng đơn giản. Lời cụ Đế Nhân nói là thật, chẳng giả!

Do vậy, vấn đề là chúng ta có chịu tin tưởng hay không, chịu phát nguyện hay không, buông xuống vạn duyên, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, bèn thành công. Người thợ vá nồi ba năm thành công. Mấy năm trước, tại Thâm Quyển, ông Hoàng Trung Xương ba mươi tuổi mới lộ diện. Ông ta nghe tôi giảng kinh thường dẫn ra những câu chuyện bèn rất hoan hỷ, cũng rất muốn học theo, dùng ba năm để làm thử xem [chính mình] có thể làm được hay không. Bà Hương Tiêu Lý hộ quan cho ông ta. Ông ta bẽ quan ba năm, còn thiếu hai tháng là đầy ba năm, tức là hai năm mười tháng, cũng biết trước lúc mất, A Di Đà Phật tiếp dẫn ông ta về thế giới Cực Lạc. Hai năm mười tháng! Làm cho chúng ta thấy, ông ta thử xem rốt cuộc là thật hay giả, bèn thành công. Niệm Phật vãng sanh là chuyện ngàn vạn phần xác đáng, chẳng giả tí nào, vấn đề là quý vị không chịu làm thì chẳng có cách nào cả! Sanh về thế giới Cực Lạc là đi làm Phật, kinh đã nói hết sức hay: *“Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hễ đến thế giới Cực Lạc bèn là A Duy Việt Trí Bồ Tát”*. A Duy Việt Trí là ba món Bất Thoái. Vị Bất Thoái thì A La Hán làm được, Hạnh Bất Thoái, Bồ Tát làm được; nhưng Niệm Bất Thoái thì phải là Pháp Thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, cũng là vượt thoát mười pháp giới. Theo kinh Hoa Nghiêm, từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên mới là Niệm Bất Thoái. Cổ đại đức cũng có thuyết cho rằng: Từ Thất Địa trở lên [mới là Niệm Bất Thoái]. Chúng ta chẳng tính từ Thất Địa trở lên, chỉ tính từ Viên Giáo Sơ Trụ trong Hoa Nghiêm trở lên thì đã rất lỗi lạc, [Niệm Bất Thoái] sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cho nên người vãng sanh ấy cũng hưởng thụ sự đãi ngộ của A Duy Việt Trí Bồ Tát, tức là sự đãi ngộ do ba món Bất Thoái. Có sự đãi ngộ ấy, giống như trong phần trên đã nói, người ấy có năng lực ứng hóa: Chúng sanh có duyên với người ấy trong khắp pháp giới hư không giới hễ nhấn tin cho người ấy, người ấy liền có thể ứng hóa. Cung cấp tin tức cho người ấy là cảm, người ấy bèn ứng, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp gì để hóa độ người ấy bèn dùng pháp đó. Cũng có thể nói là [người ấy đã] thông suốt toàn bộ mười phương ba đời tất cả Phật pháp và pháp thế gian vì chẳng lìa tự tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh bèn thông suốt toàn bộ.

Do vậy, tôi nói những người ấy là người thật sự thông minh, tốn thời gian ba năm bèn thông suốt, đạt được toàn bộ, há có nhiều nỗi phiền phức [như trong các pháp môn khác]! Pháp môn hy hữu, khó gặp, mà chúng ta có duyên gặp gỡ. Đã gặp gỡ mà chẳng thể nắm vững, hãy còn hoài nghi, vẫn chưa thể hoàn toàn tin tưởng pháp môn này, đó là nghiệp chướng của chính mình! Trước mắt đã có lắm chứng cứ ngàn ấy, những người như ông thợ vá nồi hoặc Hoàng Trung Xương đã làm Tác Chứng Chuyện trong ba thứ

chuyển pháp luân, chứng minh cho chúng ta, chứng minh pháp môn này, chứng minh thế giới Cực Lạc, chứng minh niệm Phật vãng sanh chẳng giả tí nào. Do đó, trí huệ chiếu kiến. Chúng ta cũng phải dùng trí huệ để soi thấu suốt thế gian này, đối với bất cứ tai nạn nào, cũng đều chẳng có mấy may sợ hãi gì, biết tai nạn do nguyên nhân nào phát sanh, và cũng biết phương pháp gì để có thể hóa giải. Hiềm rằng chúng sanh chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, đó là do cộng nghiệp cảm vờ. Tai nạn xảy tới giống hệt nhau, nhưng mỗi người đi về một chỗ khác nhau, người niệm Phật chúng ta có chỗ để người niệm Phật sanh về. Vì thế, hiện thời phải đặt chuyện này lên đầu, tức là xếp niệm Phật vãng sanh hàng đầu. Người thật sự có công phu ấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, nếu chẳng đến thế giới Cực Lạc, ở thêm [trong thế gian này] mấy năm nữa có được hay không? Được chứ! Chẳng phải là không được, đến đi tự do. Người thợ vá nồi trụ thêm mấy năm cũng được. Vì sao phải ra đi như vậy? Dùng phương pháp ấy để độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, đó là đại từ đại bi, nêu gương tốt cho chúng sanh, khiến cho mọi người kiên định tín tâm, nghiêm túc học tập, tương lai ai nấy đều vãng sanh. Vì thế, chúng ta phải nói rộng tầm mắt, nhìn cho xa, thấy cho sâu, quý vị sẽ liễu giải hành động của những người ấy là công đức chân thật!

Tiếp đó, [cụ Hoàng] nói ý của ngài Tăng Triệu là: Trí huệ là bản thể, thánh minh là diệu dụng. Hết thấy mọi sự đều có thể soi tỏ thông đạt bèn gọi là Thánh. Người Hoa gọi là thánh nhân, ở Ấn Độ gọi là Phật. Quyền Trí và Thật Trí của Bồ Tát: Quyền Trí là phương tiện thiện xảo, Thật Trí là Căn Bản Trí. Thật Trí là Định, thanh tịnh, bình đẳng, giác, Quyền Trí là phương tiện thiện xảo, ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, tự hành, hóa độ người khác. Sanh ra tác dụng chiếu soi linh minh, chúng sanh do phạm tình trọn chẳng thể hiểu được. Vì sao? Chúng sanh có phân biệt, chấp trước, vì thế, họ chẳng thể hiểu, đó gọi là “*bất khả tư*”, tức là chẳng thể suy tưởng. Hễ suy tưởng bèn rớt vào ý thức, sai mất rồi! Hết thấy ngôn ngữ chẳng thể biểu đạt, nên là “*bất khả nghị*”, “*ng nghị*” (議) là nghị luận, là thảo luận, nói năng. “*Phi ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri, cố kỳ hình kỳ dụng vô pháp nghĩ nghị*” (Do ngôn ngữ, phân biệt chẳng thể biết được, nên không có cách nào mô tả, bàn luận hình tướng của trí huệ ấy), tìm không ra phương pháp thích đáng để tỷ dụ. Do đó, đến cuối cùng, đức Phật nói: “*Duy chứng phương tri*” (chỉ có chứng mới biết), quý vị thật thà tu hành, đạt đến cảnh giới này, sẽ tự nhiên hiểu rõ.

“*Hựu bất khả tư nghị hữu nhị chủng, nhất giả Lý Không*” (“chẳng thể nghĩ bàn” lại có hai loại, một là Lý Không). Chữ Không này chẳng dễ hiểu! Không chẳng phải là Vô (không có gì), mà Không là Có! Vì sao chẳng nói là Có, lại nói là Không? Vì lục căn của quý vị chẳng duyên được! Lý là gì? Lý là tự tánh, tự tánh là Lý Thể. Tất cả hết thấy các pháp đều sanh từ nó, nó có thể sanh, có thể hiện. Thức có thể biến, thức là phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước có thể sanh ra biến hóa, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do thức biến. Nhất Chân pháp giới, cõi Thật Báo của chư Phật do tâm hiện, chẳng có thức biến, mà do tâm hiện. Tâm sanh, tâm hiện, mười pháp



giới là thức biến, đó là Lý. Lý Thể là tự tánh, nên chẳng phải là “*hoặc tình*” (惑情: tình chấp do phiền não tạo thành). Hoặc (惑) là vô minh phiền não, là khởi tâm động niệm, Tình (情) là phân biệt, chấp trước. Quý vị có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có cách nào, chắc chắn chẳng đạt được [“bất khả tư nghị”]. Chỉ cần quý vị đoạn hết Hoặc Tình, chân tướng liền ở ngay trước mặt, bèn hoàn toàn hiểu rõ.

Loại thứ hai là “*thần kỳ*”. “*Thần kỳ*” (神奇) là Bồ Tát ứng hóa, khởi tác dụng, “*phi thiên thức sở lượng*”, [nghĩa là] người kiến thức kém cõi, nông cạn sẽ chẳng biết. “*Hựu Trí Độ Luận viết: Tiểu Thừa pháp trung vô bất khả tư nghị sự, duy Đại Thừa pháp trung hữu chi, như lục thập tiểu kiếp thuyết Pháp Hoa Kinh vị như thực khoảnh*” (Trí Độ Luận lại nói: “Trong pháp Tiểu Thừa, chẳng có chuyện chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có pháp Đại Thừa là có, như sáu mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa mà nói là như trong khoảng một bữa ăn”). Đó là gì? Thời gian là giả, chẳng thật. Trong pháp Tiểu Thừa đều là có thể nghĩ, có thể bàn, có thể thảo luận, có thể nghiên cứu, pháp Đại Thừa thì không được. Trong pháp Đại Thừa có chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, luận lý, biện chứng pháp (dialectic), lý tắc học (logic), áp dụng những phương pháp luận khoa học đó vào kinh Tiểu Thừa thì được, nhưng vô dụng đối với kinh Đại Thừa, vì kinh Đại Thừa vượt ngoài lý luận.

Tôi nhớ thuở trước, lúc mới xuất gia chưa được bao lâu, pháp sư Đạo An dùng danh nghĩa của hội Phật giáo Trung Hoa tổ chức một hoạt động là Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa, cũng làm được vài năm. Lão hòa thượng muốn tôi đảm nhiệm vai trò tổng chủ giảng trong giảng tòa, tôi nhớ đã đảm nhiệm chức vụ ấy ba năm mấy. Khi đó, tôi mời tiên sinh Phương Đông Mỹ giảng phương pháp luận cho chúng tôi. Phương pháp luận trong khoa học là Lý Tắc Học, trong Phật pháp gọi là Nhân Minh, dùng kinh bản Phật pháp để giảng [Lý Tắc Học] thì gọi là Nhân Minh, mời thầy mở khóa học ấy. Thầy bảo tôi: “Tiểu Thừa thì có thể dùng, sơ cấp thì có thể dùng, chứ tiến cao hơn, toàn bộ chẳng dùng được”. Lần đầu tiên, tôi nghe thầy Phương nói chân tướng sự thật ấy: [Phương pháp luận khoa học] chẳng thể áp dụng cho pháp Đại Thừa. Quý vị thấy sáu mươi tiểu kiếp, thời gian ấy dài lắm! Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, sáu mươi tiểu kiếp là ba trung kiếp, đức Phật giảng gì? Giảng kinh Pháp Hoa giống như trong một “*thực khoảnh*” (食頃), tức là thời gian một bữa cơm. Đó là nói về thời gian. Có thể thu gọn sáu mươi tiểu kiếp thành một “*thực khoảnh*”, tức là thời gian một bữa cơm, thời gian một bữa cơm có thể triển khai thành sáu mươi tiểu kiếp. Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm càng chẳng thể nghĩ bàn, kinh nói là “*nhị thất nhật trung*”, nhị thất (二七) là mười bốn ngày. Ngài giảng bao nhiêu? Tam thiên đại thiên thế giới vì trần kệ, một tứ thiên hạ vì trần<sup>5</sup> phẩm. Trong long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy địa cầu chẳng thể chứa

---

<sup>5</sup> Tứ Thiên Hạ là danh xưng khác của Tứ Bộ Châu (Đông Thắng, Tây Ngưu, Diêm Phù và Bắc Câu). Gọi là Tứ Thiên Hạ vì tầng trời ngay trên Tứ Bộ Châu là tầng trời của bốn vị Thiên

đựng toàn bộ nguyên văn kinh Hoa Nghiêm! Trong mười bốn ngày, có thuyết nói là hai mươi một ngày, sao lại có thể làm như vậy được? Nếu quý vị niệm bộ kinh ấy một lượt, nói theo trạng huống trong nhân gian chúng ta hiện thời, quý vị niệm một trăm năm cũng chẳng xong, niệm một bộ cũng chẳng xong. Vì sao tôi biết? Tôi nhìn vào Tứ Khố Toàn Thư, quý vị mỗi ngày đọc Tứ Khố Toàn Thư tám tiếng đồng hồ, đọc suốt một trăm năm vẫn chưa xong. Kinh Hoa Nghiêm to hơn bộ sách ấy nhiều lắm. Đúng là vô lượng kiếp cô đọng thành mười bốn ngày, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

**(Kinh) Như thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.**

(經) 如是等諸大菩薩，無量無邊，一時來集。

**(Kinh: Các vị đại Bồ Tát như thế vô lượng vô biên, cùng một lúc nhóm họp).**

Những vị Bồ Tát cùng một đẳng cấp, tức là Pháp Thân Bồ Tát, vô lượng vô biên! Nói rõ: Chẳng phải là một vạn hai ngàn người cùng một lúc nhóm họp. “*Tổng kết dĩ thượng đức tuân Phổ Hiền chi chư đại Bồ Tát, vị thính văn, tán dương Tịnh Tông diệu pháp cố, vị quảng hoằng Phổ Hiền nguyện vương cố, vị phổ độ thập phương tam thế nhất thiết hữu tình, vãng sanh Tịnh Độ cứu cánh Niết Bàn cố, đồng đức, đồng tâm, nhất thời lai hội. Tịnh Ảnh Sớ viết: Vị pháp tâm đồng, cố lai nhất thời*” (Tổng kết: Các vị đại Bồ Tát trên đây đều là đức tuân Phổ Hiền, do nghe giảng, khen ngợi diệu pháp Tịnh Tông, do hoằng truyền rộng rãi nguyện vương Phổ Hiền, vì phổ độ mười phương ba đời hết thảy hữu tình vãng sanh Tịnh Độ, [đạt đến] Niết Bàn rốt ráo, đồng đức, đồng tâm, nên cùng một lúc nhóm đến. Tịnh Ảnh Sớ viết: “Vị pháp và tâm giống nhau, nên cùng lúc nhóm đến”). Đoạn này là tổng kết. Đoạn tiếp theo cho biết trong đại hội này còn có những người như dưới đây.

**(Kinh) Hựu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân.**

(經) 又有比丘尼五百人。

**(Kinh: Lại có tỳ-kheo-ni năm trăm vị).**

---

Vương (Đa Văn, Quảng Mục, Trì Quốc, Tăng Trưởng). “Tứ thiên hạ vi trần” nghĩa là số vi trần trong một tứ thiên hạ.

Đây là nữ chúng xuất gia.

**(Kinh) Thanh tín sĩ thất thiên nhân.**

(經) 清信士七千人。

**(Kinh: Thanh tín sĩ bảy ngàn người).**

Đây là cư sĩ, ưu bà tắc.

**(Kinh) Thanh tín nữ ngũ bách nhân.**

(經) 清信女五百人。

**(Kinh: Thanh tín nữ năm trăm người).**

Đây là nữ cư sĩ. Còn có:

**(Kinh) Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, chư thiên Phạm chúng, tất cộng đại hội.**

(經) 欲界天。色界天。諸天梵眾。悉共大會。

**(Kinh: Trời Dục giới, trời Sắc giới, chư thiên Phạm chúng đều cùng tới trong đại hội).**

Đoạn giải thích sau phần này của lão cư sĩ chúng ta đọc qua là được rồi. “*Thanh tín sĩ tức Ưu Bà Tắc, thanh tín nữ tức Ưu Bà Di. Dĩ thượng kinh văn, độc kiến Hán dịch. Ngụy dịch tặc căn hữu Bồ Tát dữ tỳ-kheo chúng. Tống dịch kinh mặt viết: ‘Tịnh thiên long bát bộ nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ’, quân quảng u Ngụy dịch*” (“Thanh tín sĩ” là Ưu-bà-tắc (Upāsaka). “Thanh tín nữ” là Ưu-bà-di (Upāsikā). Đoạn kinh trên chỉ thấy trong bản Hán dịch, bản Ngụy dịch chỉ chép chúng Bồ Tát và tỳ-kheo. Cuối bản Tống dịch chép: “Cùng trời, rồng, tám bộ, hết thầy đại

chúng, nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ lớn”, như vậy đều là phần nói rộng của bản Ngụy dịch vậy). Trên đây là Tụ Chứng Phần, chúng ta học tới chỗ này. Hôm nay vừa khéo đã hết thời gian, ngày mai chúng ta sẽ xem phần Đại Giáo Duyên Khởi Đệ Tam, tức là Biệt Tụ, Biệt Tụ của bản kinh này.